TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2023/HS-ST
Ngày 16 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Đức Tùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Mạc Ngọc Day;
2. Bà Dương Thị Ninh.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà*: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm theo hình thức số hóa, công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2023/TLST-HS, ngày 28 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **CAO DUY K** (tên gọi khác: không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 22/8/1984 tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

- Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không;

- Họ tên cha: Cao Đức K, sinh năm 1959; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1963; Anh, chị, em ruột: Không;

- Vợ: Nguyễn Thu H, sinh năm 1987; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2021.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

- Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chị Đinh Thị N, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn 4 T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

4. Chị Nguyễn Thu U, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Tổ DP Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

5. Ông Bùi Quang H, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Tổ DP T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

6. Anh Đào Trọng T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tổ DP T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

7. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Tổ DP B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

8. Bà Triệu Thị T, sinh năm 1975,

Nơi cư trú: Tổ DP B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

9. Anh Trương Duy T, sinh năm 1989,

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

10. Bà Đào Thị T, sinh năm 1966,

Nơi cư trú: Tổ DP B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

11. Anh Lý Sơn T, sinh năm 1983,

Nơi cư trú: Tổ DP T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

12. Ông Vũ Y, sinh năm 1979,

Nơi cư trú: Tổ DP C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H, bà T, chị N, chị U, ông H, anh T, chị H, bà T, anh T, bà T, anh T, ông Y đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Duy K sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang và vợ là Nguyễn Thu H, sinh năm 1987 cùng kinh doanh dịch vụ chụp ảnh, photocopy, mua, bán, cho thuê xe ô tô, xe máy cũ, cầm đồ, tư vấn và hỗ trợ tài chính. Địa điểm kinh doanh tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 15D8001075 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hàm Yên cấp và các giấy tờ khác đủ điều kiện hoạt động.

Khoảng giữa tháng 8/2022 do thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền, Cao Duy K đã nảy sinh ý định cho những người này vay và tính lãi suất cao. K cho nhiều người vay trực tiếp tại nhà bằng tiền mặt, nhận tiền gốc và lãi bằng hai hình thức là tiền mặt trực tiếp tại nhà và qua tài khoản số 108865199999 mang tên Nguyễn Thu H và tài khoản số 106983399999 mang tên Cao Duy K cùng mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh huyện Hàm Yên. Trong

khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022, K đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (BLDS), cụ thể:

1. Cho Nguyễn Thu U, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 23/8/2022, K cho U vay 5.000.000đ, lãi suất 280,77%/năm (gấp 14 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). U đưa cho K giữ 01 giấy chứng minh nhân dân số 061058571 mang tên Nguyễn Thu U và 01 sổ hộ khẩu số 68, tên chủ hộ Bùi Văn Q. Tính đến ngày 17/9/2022 (26 ngày), U đã thanh toán cho K 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (5.000.000đ x 20%/năm x 26 ngày): 365 ngày = 71.232đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.000.000đ – 71.232đ = 928.768đ.

Lần 2: Ngày 17/9/2022, K cho U vay 5.000.000đ, lãi suất 251,72%/năm (gấp 12,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 15/10/2022 (29 ngày), U đã thanh toán cho K 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (5.000.000đ x 20%/năm x 29 ngày): 365 ngày = 79.452đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.000.000đ – 79.452đ = 920.548đ.

Lần 3: Ngày 15/10/2022, K cho U vay 5.000.000đ, lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 28/10/2022 (14 ngày), U đã thanh toán cho K 5.000.000đ tiền gốc và 350.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (5.000.000đ x 20%/năm x 14 ngày): 365 ngày = 38.356đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 350.000đ – 38.356đ = 311.644đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, U chưa lấy lại chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

2. Cho Bùi Quang H, sinh ngày 01/4/1976, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 24/8/2022, K cho H vay 5.000.000đ, lãi suất 317,39%/năm (gấp 15,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). H đưa cho K giữ 01 thẻ công chức văn phòng - thống kê ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H mang tên Bùi Quang H. Tính đến ngày 15/9/2022 (23 ngày), H đã thanh toán cho K 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS= (5.000.000đ x 20%/năm x 23 ngày): 365 ngày = 63.013đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.000.000đ - 63.013 = 936.987đ.

Lần 2: Ngày 15/9/2022, K cho Bùi Quang H vay 5.000.000đ, lãi suất 243,33%/năm (gấp 12,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 14/10/2022 (30 ngày), H đã thanh toán cho K 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (5.000.000đ x 20%/năm x 30 ngày): 365 ngày = 82.191đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.000.000đ - 82.191đ = 917.809đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, H chưa lấy lại thẻ công chức.

3. Cho Triệu Thị T, sinh ngày 06/4/1975, trú tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 24/8/2022, K cho T vay 12.000.000đ, lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). T đưa cho K giữ 01 căn cước công dân số 008175010323 mang tên Triệu Thị T và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 004497, tên chủ xe là Đàm Thanh H. Tính đến ngày 12/10/2022 (50 ngày), T đã thanh toán cho K 12.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (12.000.000đ x 20%/năm x 50 ngày): 365 ngày = 328.767đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 3.000.000đ – 328.767đ = 2.671.233đ.

Lần 2: Ngày 02/9/2022, K cho T vay 4.000.000đ, lãi suất 285,16%/năm (gấp 14,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 03/10/2022 (32 ngày), T đã thanh toán cho K 4.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (4.000.000đ x 20%/năm x 32 ngày): 365 ngày = 70.136đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.000.000đ - 70.136đ = 929.864đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, T chưa lấy lại căn cước công dân và giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy.

4. Cho Đào Thị T, sinh ngày 15/4/1966, trú tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 26/8/2022, K cho T vay 10.000.000đ, lãi suất 294,35%/năm (gấp 14,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). T đưa cho K giữ 01 giấy chứng minh dân nhân số 070496068 mang tên Đào Thị T và 01 số hộ khẩu số 610054856, tên chủ hộ là Đào Thị T. Tính đến ngày 25/9/2022 (31 ngày), T đã thanh toán cho K 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (10.000.000đ x 20%/năm x 31 ngày): 365 ngày = 169.863đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 2.500.000đ - 169.863đ = 2.330.137đ.

Lần 2: Ngày 25/9/2022, K cho T vay 8.000.000đ, lãi suất 253,4%/năm (gấp 12,67 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 30/10/2022 (36 ngày), T đã thanh toán cho K 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (8.000.000đ x 20%/năm x 36 ngày): 365 ngày = 157.808đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 2.000.000đ - 157.808đ = 1.842.192đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, T chưa lấy lại chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

5. Cho Đinh Thị N, sinh ngày 15/5/1984, trú tại thôn 31, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/8/2022, K cho N vay 12.000.000đ, lãi suất 396,74%/năm (gấp 19,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 21/9/2022 (23 ngày), chị N đã thanh toán cho K 12.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (12.000.000đ x 20%/năm x 23 ngày): 365 ngày = 151.232đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 3.000.000đ - 151.232đ = 2.848.768đ.

Lần 2: Ngày 21/9/2022, K cho N vay 12.000.000đ, lãi suất 350,96%/năm (gấp 17,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 16/10/2022 (26 ngày), chị N đã thanh toán cho K 12.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (12.000.000đ x 20%/năm x 26 ngày): 365 ngày = 170.958đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 3.000.000đ – 170.958đ = 2.829.042đ.

6. Cho Đào Trọng T, sinh ngày 09/8/1991, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/8/2022, K cho T vay 10.000.000đ, lãi suất 1140,6%/năm (gấp 57 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 06/9/2022 (08 ngày), T đã thanh toán cho K 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (10.000.000đ x 20%/năm x 8 ngày): 365 ngày = 43.835đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 2.500.000đ - 43.835đ = 2.456.165đ.

Lần 2: Ngày 06/9/2022, K cho T vay 5.000.000đ, lãi suất 280,77%/năm (gấp 14 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 01/10/2022 (26 ngày), T đã thanh toán cho K 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (5.000.000đ x 20%/năm x 26 ngày): 365 ngày = 71.232đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi

vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.000.000đ - 71.232đ = 928.768đ.

7. Cho Trương Duy T, sinh ngày 20/02/1989, trú tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 02/9/2022, K cho T vay 8.000.000đ, lãi suất 207,4%/năm (gấp 10,37 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). T đưa cho K giữ 01 căn cước công dân số 008089005531 mang tên Trương Duy T. Tính đến ngày 15/10/2022 (44 ngày), T đã thanh toán cho K 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (8.000.000đ x 20%/năm x 44 ngày): 365 ngày = 192.876đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 2.000.000đ - 192.876đ = 1.807.124đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, T chưa lấy lại căn cước công dân.

8. Cho Đỗ Thị H, sinh ngày 27/5/1990, trú tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 03/9/2022, K cho H vay 12.000.000đ, lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). H đưa cho K giữ 01 giấy chứng minh nhân dân số 070878213 mang tên Đỗ Thị H. Tính đến ngày 22/10/2022 (50 ngày), H đã thanh toán cho K 12.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (12.000.000đ x 20%/năm x 50 ngày): 365 ngày = 328.767đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 3.000.000đ - 328.800đ = 2.671.233đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, H đã lấy lại giấy chứng minh nhân dân.

9. Cho Lý Sơn T, sinh ngày 24/7/1983, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/9/2022, K cho T vay 8.500.000đ, lãi suất 357,8%/năm (gấp 17,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). T đưa cho K giữ 01 giấy phép lái xe số AR368423 (đã bị cắt góc) và hồ sơ cấp Giấy phép lái xe gồm: 01 đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch giấy phép lái xe; 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; 01 giấy chứng nhận sức khỏe; 01 chứng chỉ sơ cấp nghề. Tính đến ngày 21/9/2022 (15 ngày), T đã thanh toán cho K 8.500.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (8.500.000đ x 20%/năm x 15 ngày): 365 ngày = 69.863đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.250.000đ - 69.863đ = 1.180.137đ.

Lần 2: Ngày 27/9/2022, K cho T vay 8.500.000đ, lãi suất 214,7%/năm (gấp 10,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 26/10/2022 (30 ngày), T đã thanh toán cho K 8.500.000đ tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (8.500.000đ x 20%/năm x 30 ngày): 365 ngày = 139.726đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.500.000đ - 139.726đ = 1.360.274đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, T chưa lấy lại những giấy tờ trên.

10. Cho Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/4/1967, trú tại thôn 3 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 01 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 23/9/2022, K cho Nguyễn Thị T vay 5.000.000đ, lãi suất 292%/năm (gấp 14,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). T đưa cho K giữ 01 căn cước công dân số 008167005433 mang tên Nguyễn Thị T và 01 sổ hộ khẩu số 610138676, tên chủ hộ là Vũ Văn B. Tính đến ngày 17/10/2022 (25 ngày), chị T đã thanh toán cho K 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (5.000.000đ x 20%/năm x 25 ngày): 365 ngày = 68.493đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 1.000.000đ – 68.493đ = 931.507đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, T chưa lấy lại chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

11. Cho Vũ Y, sinh ngày 24/6/1979, trú tại tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 19/8/2022, K cho Y vay 12.000.000đ, lãi suất 222,56%/năm (gấp 11,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Tính đến ngày 28/9/2022 (41 ngày), Y đã thanh toán cho K 12.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (12.000.000đ x 20%/năm x 41 ngày): 365 ngày = 269.589đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 3.000.000đ - 269.589đ = 2.730.411đ. Sau khi trả tất cả tiền gốc và tiền lãi cho K, Y chưa lấy lại giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy.

Lần 2: Ngày 28/9/2022, K cho Y vay 12.000.000đ, lãi suất 304,16%/năm (gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Y đưa cho K giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004742, tên chủ xe Vũ Y. Tính đến ngày 27/10/2022 (30 ngày), Y đã thanh toán cho K 12.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = (12.000.000đ x 20%/năm x 30 ngày): 365 ngày = 197.260đ; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = 3.000.000đ - 197.260đ = 2.802.740đ.

* Tổng số tiền Cao Duy K cho những người trên vay là: 164.000.000đ *(một trăm sáu mươi tư triệu đồng)*, số tiền lãi K thu được là 37.100.000đ *(ba mươi bẩy triệu một trăm nghìn đồng)*, trong đó: Tổng số tiền thu lợi cao nhất theo quy định là 2.764.649đ *(hai triệu bẩy trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm bốn chín nghìn);* Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 34.335.351đ *(ba mươi tư triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm năm mốt nghìn).*

Từ nội dung trên, bản cáo trạng số 20/CT-VKSHY, ngày 28/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Cao Duy K về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Cao Duy K tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nội dung lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra.

Kết thúc phần hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Cao Duy K theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Duy K phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

+ Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Cao Duy K từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền thu lời bất chính nên không đề Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, số máy MG6C2VN/A, số sêri F73NP4PUG5MF, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo Cao Duy K.

- Truy thu của bị cáo Cao Duy K số tiền gốc mà bị cáo dùng để cho vay lãi nặng là 103.500.000 đồng và số tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã thu của những người vay là 2.764.649 đồng, tổng số tiền truy thu là 106.264.649 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 70.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là 36.264.649 đồng.

+ Về án phí: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Cao Duy K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

+ Về quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Cao Duy K nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội

của mình là sai trái và vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều không yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền lãi thu lời bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Cao Duy K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Vật chứng thu giữ; Lời khai của bị cáo; Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Các biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 19/8/2022 đến 30/10/2022 tại địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Cao Duy K đã cho 11 người vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể:

1. Từ ngày 19/8/2022 đến ngày 27/10/2022 cho Vũ Y, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H vay 02 lần: Lần 1 (từ ngày 19/8/2022 đến 28/9/2022): Cho vay 12.000.000đ, lãi suất 222,56%/năm (gấp 11,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 3.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 269.589đ, thu lợi bất chính 2.730.411đ; Lần 2 (từ ngày 28/9/2022 đến 27/10/2022): Cho vay 12.000.000đ, lãi suất 304,16%/năm (gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 3.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 197.260đ, thu lợi bất chính 2.802.740đ.

2. Từ ngày 23/8/2022 đến 15/10/2022 cho Nguyễn Thu U, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H vay 3 lần: Lần 1 (từ ngày 23/8/2022 đến 17/9/2022): Cho vay 5.000.000đ, lãi suất 280,77%/năm (gấp 14 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 1.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 71.232đ, thu lợi bất chính 928.768đ; Lần 2 (từ ngày 17/9/2022 đến 15/10/2022): Cho vay 5.000.000đ, lãi suất 251,72%/năm (gấp 12,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 1.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 79.452đ, thu lợi bất chính 920.548đ; Lần 3 (từ 15/10/2022 đến 28/10/2022): Cho vay 5.000.000đ, lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 350.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 38.356đ, thu lợi bất chính 311.644đ.

3. Từ ngày 24/8/2022 đến 14/10/2022 cho Bùi Quang H, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H vay 02 lần: Lần 1 (từ 24/8/2022 đến

15/9/2022): Cho vay 5.000.000đ, lãi suất 317,39%/năm (gấp 15,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 1.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 63.013đ, thu lợi bất chính 936.987đ; Lần 2 (từ 15/9/2022 đến 14/10/2022): Cho vay 5.000.000đ, lãi suất 243,33%/năm (gấp 12,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 1.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 82.191đ, thu lợi bất chính 917.809đ.

4. Từ ngày 24/8/2022 đến 03/10/2022 cho Triệu Thị T, sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H vay 02 lần: Lần 1 (từ 24/8/2022 đến 12/10/2022): Cho vay 12.000.000đ, lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 3.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 328.767đ, thu lợi bất chính 2.671.233đ; Lần 2 (từ 02/9/2022 đến 03/10/2022): Cho vay 4.000.000đ, lãi suất 285,16%/năm (gấp 14,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 1.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 70.136đ, thu lợi bất chính 929.864đ.

5. Từ ngày 26/8/2022 đến 30/10/2022 cho Đào Thị T, sinh năm 1966, trú tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H vay 02 lần: Lần 1 (từ 26/8/2022 đến 25/9/2022): Cho vay 10.000.000đ, lãi suất 294,35%/năm (gấp 14,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 2.500.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 169.863đ, thu lợi bất chính 2.330.137đ; Lần 2 (từ 25/9/2022 đến 30/10/2022): Cho vay 8.000.000đ, lãi suất 253,4%/năm (gấp 12,67 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 2.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 157.808đ, thu lợi bất chính 1.842.192đ.

6. Từ ngày 30/8/2022 đến 16/10/2022 cho Đinh Thị N, sinh năm 1984, trú tại thôn 4 T, xã T, huyện H vay 02 lần: Lần 1 (từ 30/8/2022 đến 21/9/2022): Cho vay 12.000.000đ, lãi suất 396,74%/năm (gấp 19,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 3.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 151.232đ, thu lợi bất chính 2.848.768đ; Lần 2 (từ 21/9/2022 đến 16/10/2022): Cho vay 12.000.000đ, lãi suất 350,96%/năm (gấp 17,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 3.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 170.958đ, thu lợi bất chính 2.829.042đ.

7. Từ ngày 30/8/2022 đến 01/10/2022 cho Đào Trọng T, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H vay 02 lần: Lần 1 (từ 30/8/2022 đến 06/9/2022): Cho vay 10.000.000đ, lãi suất 1140,6%/năm (gấp 57 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 2.500.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 43.835đ, thu lợi bất chính 2.456.165đ; Lần 2 (từ 06/9/2022 đến 01/10/2022): Cho vay 5.000.000đ, lãi suất 280,77%/năm (gấp 14 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 1.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 71.232đ, thu lợi bất chính 928.768đ.

8. Từ ngày 02/9/2022 đến ngày 15/10/2022 cho Trương Duy T, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã T, huyện H vay 8.000.000đ, lãi suất 207,4%/năm (gấp 10,37 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 2.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 192.876đ, thu lợi bất chính 1.807.124đ.

9. Từ ngày 03/9/2022 đến ngày 22/10/2022 cho Đỗ Thị H, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H vay 12.000.000đ, lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 3.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 328.767đ, thu lợi bất chính 2.671.233đ.

10. Từ ngày 30/8/2022 đến ngày 01/10/2022 cho Lý Sơn T, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H vay 02 lần: Lần 1 (từ ngày 07/9/2022 đến 21/9/2022): Cho vay 8.500.000đ, lãi suất 357,8%/năm (gấp 17,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 1.250.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 69.863đ, thu lợi bất chính 1.180.137đ; Lần 2 (từ 27/9/2022 đến 26/10/2022): Cho vay 8.500.000đ, lãi suất 214,7%/năm (gấp 10,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 1.500.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 69.863đ, thu lợi bất chính 1.360.274đ.

11. Từ ngày 23/9/2022 đến ngày 17/10/2022 cho Nguyễn Thị T, sinh năm 1967, trú tại thôn 3 M, xã Y, huyện H vay 5.000.000đ, lãi suất 292%/năm (gấp 14,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), thu 3.000.000đ tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định là 68.493đ, thu lợi bất chính 931.507đ.

Tổng số tiền cho vay là 164.000.000đ *(một trăm sáu mươi tư triệu đồng)*, số tiền lãi thu được là 37.100.000đ *(ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng)*, trong đó tổng số tiền lãi theo quy định (20%/năm) là 2.764.649đ *(hai triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm bốn chín nghìn);* Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 34.335.351đ *(ba mươi tư triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm năm mốt nghìn).*

Hành vi của bị cáo Cao Duy K đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Cao Duy K về hành vi phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về tính chất, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

- Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là sai và vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi mà bị cáo phạm tội. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền

án, tiền sự nên Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo bằng hình thức phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo Cao Duy K tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Cao Duy K. Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo mức phạt trong khung đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đề nghị tại phiên toà là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với tổng số tiền 34.335.351 đồng là tiền thu lời bất chính mà bị cáo đã thu cần trả lại cho người vay. Tuy nhiên do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T, Đinh Thị N, Nguyễn Thu U, Bùi Quang H, Đào Trọng T, Đỗ Thị H, Triệu Thị T, Trương Duy T, Đào Thị T, Lý Sơn T, Vũ Y không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, số máy MG6C2VN/A, số sêri F73NP4PUG5MF, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo Cao Duy K. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc điện thoại trên là công cụ, phương tiện mà bị cáo K dùng để thực hiện hành vi phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Quá trình điều tra xác định bị cáo Cao Duy K cho 11 người vay với tổng số tiền các lần vay là 164.000.000 đồng. Tuy nhiên trên thực tế bị cáo chỉ có tổng số tiền 103.500.000 đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay, khi trả gốc bị cáo lại sử dụng để cho vay lại. Như vậy đối với số tiền 103.500.000 đồng mà bị cáo dùng để cho vay lãi nặng. Đây là khoản tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm nên cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước; Đối với số tiền 2.764.649 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước. Tổng số tiền cần truy thu của bị cáo là 106.264.649 đồng.

- Đối với số tiền 70.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp tại giai đoạn điều tra, bị cáo xác định đây là số tiền bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

[7] Đối với chị Nguyễn Thu H là vợ của bị cáo K, chị H không biết việc bị cáo K thực hiện hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không có căn cứ xử lý đối với chị H nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Cao Duy K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ vào khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Cao Duy K phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

+ Phạt tiền **60.000.000đ** *(Sáu mươi triệu đồng)* đối với bị cáo Cao Duy K.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, số máy MG6C2VN/A, số sêri F73NP4PUG5MF, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo Cao Duy K *(Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Yên với Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, lập ngày 03/4/2023).*

- Truy thu của bị cáo Cao Duy K số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm là 106.264.649đ (Một trăm linh sáu triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn chín đồng) để sung vào ngân sách nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là 36.264.649đ (Ba mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn chín đồng) để sung vào ngân sách nhà nước *(Số tiền trên Công an huyện Hàm Yên đã giao cho Chi cục thi hành án dân sự Hàm Yên, thể hiện tại giấy uỷ nhiệm chi số 05 ngày 03 tháng 4 năm 2023)*.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Cao Duy K phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.Quang;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Công an huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn Tân Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng